TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-PT
Ngày: 20 – 7 – 2022
V/v tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh BL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964

2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Ông Võ Minh Tr, sinh năm 1962. Địa chỉ: 127/5, K1, P1, thành phố BL, tỉnh BL (có mặt).

- Đồng bị đơn:

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1958 (có mặt).

2. Ông Đặng Văn O, sinh năm 1955 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đặng Hồng D, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã BB, huyện CM, tỉnh ĐN.

2. Chị Đặng Hồng Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BC A, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3. Anh Đặng Hùng C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp SL, xã TL, huyện XM, tỉnh BR - VT.

4. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

5. Chị Đặng Thị Nh, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã BB, huyện CM, tỉnh ĐN.

6. Anh Đặng Trí Ng, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp NT, xã VH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

7. Anh Đặng Duy Th, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã VH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

8. Ủy ban nhân dân xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: ấp GB A, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn L, chức vụ: Chủ tịch (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch là đồng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch và tại phiên tòa, ông Võ Minh Tr là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của ông bà ngoại của ông Th là ông Võ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Đ. Sau khi ông bà ngoại ông T chết, đến đời cha mẹ ông T sử dụng, ông T là con sống chung trong gia đình nên cũng sử dụng từ trước đến nay. Khi ông T lập gia đình, vợ chồng ông T cùng sử dụng đến nay. Hiện trạng phần đất tranh chấp trước đây toàn bộ là con mương được gia đình ông T sử dụng để chở lúa, hiện nay được gia đình ông sử dụng để thoát nước. Ngoài ra, không sử dụng vào mục đích gì khác. Khoảng 15 năm nay, phía bị đơn vẫn sử dụng phần đất tranh chấp để thoát nước thải sinh hoạt, cặm cây, lấn chiếm dần nên hiện tại có một phần đất đã thành nền và đã được ông O rào lại bằng dây chì lưới B40, phần tranh chấp còn lại vẫn là con mương thoát nước. Phần đất tranh chấp qua nhiều đời gia đình ông T sử dụng vẫn chưa đăng ký kê khai do thiếu hiểu biết, đến khoảng năm 2011 khi ông T đăng ký kê khai thì ông O, bà N

ngăn cản. Theo đơn khởi kiện vợ chồng ông T, bà C yêu cầu ông O, bà N trả diện tích đất 160m^2, nhưng qua đo đạc thực tế có sự chênh lệch, vợ chồng ông đồng ý rút lại phần đất chênh lệch so với đơn khởi kiện là 45,8m^2. Nay, vợ chồng ông chỉ yêu cầu ông O, bà N trả lại diện tích 114,2m^2, tại thửa 433, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu; ông O, bà N có trách nhiệm di dời tài sản trả lại hiện trạng đất trống cho ông T, bà C.

Theo ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N là đồng bị đơn trong vụ án trình bày: Nguồn gốc đất của ông, bà giáp ranh với phần đất tranh chấp là của mẹ ông O là cụ Nguyễn Thị B cho lại, khi cho thì cụ B chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1993, ông O lập thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 0234, tờ bản đồ số 02, diện tích 700m^2 đất thổ cư và vườn. Đến năm 2011, ông O được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 433, tờ bản đồ số 03, diện tích 600,8m^2. Lý do sụt giảm là do ông chừa một phần đất làm mương công cộng giáp với phần đất ông T đang tranh chấp. Ông, bà xác định phần mương ông T, bà C đang tranh chấp với ông, bà là phần mương công cộng được ghi nhận trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông O được cấp và cũng được xác định là mương công cộng (hướng Tây) tại Quyết định giám đốc thẩm số 144 ngày 19/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao mà ông, bà đã nộp cho Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C yêu cầu công nhận diện tích đất 114,2m^2 thuộc mương công cộng là đất của ông T, bà C thì ông, bà không đồng ý. Ông, bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng là mương thoát nước công cộng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị Đặng Hồng D, chị Đặng Hồng Th, anh Đặng Hùng C, anh Đặng Văn Q, chị Đặng Thị Nh, anh Đặng Trí Ng và anh Đặng Duy Th và Ủy ban nhân dân xã CT không có ý kiến trình bày, cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào.

Từ nội dung trên, Bản án số 02/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL quyết định:

***1.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch đối với diện tích 45,8m^2 tại ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.*

***2.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N trả lại diện tích 114,2m^2 tại ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích đất có vị trí, tứ cạnh như sau:*

** Phần 1: Diện tích: 104,2m^2. Hiện trạng là con mương thoát nước*

- Hướng Đông: Giáp với Phần 2 (phần đất đang tranh chấp, do ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N quản lý, sử dụng) có số đo 5,03m + 1,17m+8,95m + 3,76m + 7,95m + 4,09m+3,36m.

- Hướng Tây: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 6,29m+11,22m+14,90m+2,45m.

- Hướng Nam: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 2,93m.

- Hướng Bắc: Giáp với đất Kênh lộ (cầu xi măng) có số đo 3,73m.

** Phần 2: Diện tích: 27,7m^2 (trong đó có 17,7m^2 nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện). Hiện trạng do ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N quản lý, sử dụng.*

- Hướng Đông: Giáp với đất của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N có số đo 27,85m.

- Hướng Tây: Giáp với Phần đất 1 (phần đất đang tranh chấp, hiện trạng là con mương) có số đo 8,95m + 3,76m + 7,95m + 4,09m+3,36m.

- Hướng Nam: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 0,55m.

- Hướng Bắc: Giáp với đất của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N và Phần đất 1 (phần đất đang tranh chấp, hiện trạng là con mương) có số đo 0m.

Trên phần đất này có các tài sản của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N gồm: Hàng rào cột bê tông + lưới B40, cao 1,2m, dài 32m; Hàng rào cột bê tông, tường xây cao 2m, dài 1,5m; 01 cây mai, 01 cây cóc lớn, 02 cây dừa lớn, 04 cây dừa nhỏ, 01 cây bơ, 01 cây chanh, 01 cây mãng cầu.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2020 và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 13/8/2020).

***3.** Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N đối với diện tích 27,7m^2 (trong đó có 17,7m^2 nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện) thuộc thửa 433, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Có vị trí, tứ cạnh như sau:*

- Hướng Đông: Giáp với đất của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N có số đo 27,85m.

- Hướng Tây: Giáp với Phần đất 1 (phần đất đang tranh chấp, hiện trạng là con mương) có số đo 8,95m + 3,76m + 7,95m + 4,09m+3,36m.

- Hướng Nam: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 0,55m.

- Hướng Bắc: Giáp với đất của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N và Phần đất 1 (phần đất đang tranh chấp, hiện trạng là con mương) có số đo 0m.

Trên phần đất này có các tài sản của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N gồm: Hàng rào cột bê tông + lưới B40, cao 1,2m, dài 32m; Hàng rào cột bê

tông, tường xây cao 2m, dài 1,5m; 01 cây mai, 01 cây cóc lớn, 02 cây dừa lớn, 04 cây dừa nhỏ, 01 cây bơ, 01 cây chanh, 01 cây mãng cầu.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2020 và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 13/8/2020).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 2 N 2022 đồng nguyên đơn ông T, bà C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C; buộc bị đơn ông O, bà N trả diện tích đất 114,2m^2 tại ấp B1, xã CT, huyện VL; không công nhận quyền sử dụng đất cho ông O, bà N đối với diện tích 10m^2 (trong diện tích 27,7m^2) thuộc tờ bản đồ số 03, tại ấp B1, xã CT, huyện VL

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch là ông Võ Minh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến tranh luận:

Đối với con mương: Khi có Quyết định giám đốc thẩm ngày 19/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VL tiến hành đo đạc lại diện tích đất, phía bị đơn giảm đi diện tích đất là do làm kênh, ông O cho rằng lý do sụt giảm diện tích đất là do ông chừa một phần đất làm mương công cộng là không có căn cứ. Qua xác minh người dân xác định nguồn gốc đất là của gia đình ông T. Tòa án căn cứ vào Quyết định giám đốc thẩm xác định mương công cộng là không có căn cứ. Con mương từ trước đến nay do gia đình ông T quản lý, sử dụng. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân vận động ông T bỏ tiền xây cầu qua con mương, có biên nhận 8.000.000 đồng của ông T để làm cầu. Đối với 10m^2 do bị đơn san lấp lấn chiếm. Hiện trạng ông O sử dụng không đúng với bản vẽ ranh đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường năm 2020. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông T, bà C.

Bị đơn ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N trình bày ý kiến tranh luận:

Ông, bà xác định phần mương ông T, bà C đang tranh chấp với ông, bà là phần mương công cộng được ghi nhận trên phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông O được cấp và cũng được xác định là mương công cộng (hướng Tây) tại Quyết định giám đốc thẩm số 144 ngày 19/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao mà ông, bà đã nộp cho Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C yêu cầu công nhận diện tích đất 114,2m^2 thuộc mương công cộng là đất của ông T, bà C thì ông, bà không đồng ý. Ông, bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng là mương thoát nước công cộng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án số 02/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện đòi đất con mương diện tích 104,2m^2 của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch gửi đến Tòa án nhận ngày 07/02/2022 còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Hồng D, chị Đặng Hồng Th, anh Đặng Hùng C, anh Đặng Văn Q, chị Đặng Thị Nh, anh Đặng Trí Ng và anh Đặng Duy Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng; Ủy ban nhân dân xã CT, huyện VL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C; buộc bị đơn ông O, bà N trả diện tích đất 114,2m^2 tại ấp B1, xã CT, huyện VL; không công nhận quyền sử dụng đất cho ông O, bà N đối với diện tích 10m^2 (trong diện tích 27,7m^2) thuộc tờ bản đồ số 03, tại ấp B1, xã CT, huyện VL, thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2020 (Bút lục 100) và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 13/8/2020 (Bút lục 153), phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, có diện tích, vị trí, số đo như sau:

* Phần 1: Diện tích 104,2m^2. Hiện trạng là con mương thoát nước chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hướng Đông: Giáp với Phần 2 (phần đất đang tranh chấp, do ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N quản lý, sử dụng) có số đo 5,03m + 1,17m + 8,95m + 3,76m + 7,95m + 4,09m + 3,36m.

- Hướng Tây: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 6,29m + 11,22m + 14,90m + 2,45m.

- Hướng Nam: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 2,93m.

- Hướng Bắc: Giáp với đất Kênh lộ (cầu xi măng) có số đo 3,73m.

* Phần 2: Diện tích: 27,7m^2. Hiện trạng do ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N quản lý, sử dụng (trong phần đất này, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với 17,7m^2, chỉ yêu cầu bị đơn trả 10m^2)

- Hướng Đông: Giáp với đất của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N có số đo 27,85m.

- Hướng Tây: Giáp với Phần đất 1 (phần đất đang tranh chấp, hiện trạng là con mương) có số đo 8,95m + 3,76m + 7,95m + 4,09m + 3,36m.

- Hướng Nam: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 0,55m.

- Hướng Bắc: Giáp với đất của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N và Phần đất 1 (phần đất đang tranh chấp, hiện trạng là con mương) có số đo 0m.

Trên phần đất này có các tài sản của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N gồm: Hàng rào cột bê tông + lưới B40, cao 1,2m, dài 32m; Hàng rào cột bê tông, tường xây cao 2m, dài 1,5m; 01 cây mai, 01 cây cóc lớn, 02 cây dừa lớn, 04 cây dừa nhỏ, 01 cây bơ, 01 cây chanh, 01 cây mãng cầu.

[2.2] Xét nguồn gốc đất tranh chấp (Phần 1): Nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông bà ngoại tên Võ Văn Tr và Nguyễn Thị Đ khai phá để làm mương thoát nước và cho ghe xuồng ra vào (Bút lục 43). Còn bị đơn xác định nguồn gốc đất tranh chấp trước đây thuộc quyền sử dụng đất của ông O được cấp, nhưng sau khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông O đã đồng ý chừa ra con mương này làm mương công cộng (Bút lục 250, 251, 264). Như vậy, cả nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được về nguồn gốc đất tranh chấp.

[2.3] Quá trình sử dụng đất (Phần 1): Mặc dù các đương sự và những người làm chứng như ông Phan Vũ Nh, bà Võ Thị Đ, ông Phan Văn H, ông Phan Văn T, ông Trần Hồng T trình bày không thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp. Song, các đương sự, người làm chứng đều thừa nhận con mương do hộ gia

đình ông Nguyễn Văn Th và hộ gia đình ông Đặng Văn O cùng sử dụng chung (Bút lục 98, 303).

[2.4] Xét quá trình đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Phần 1): Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện VL (Bút lục 98-100) và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 13/8/2020 (Bút lục 153) thể hiện phần đất mà các bên đang tranh chấp có hiện trạng là con mương, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Tuy nhiên, tại Quyết định giám đốc thẩm số 144 ngày 19/5/1999 của Tòa Dân sự - Tòa án nhân dân tối cao (Bút lục 08-09); Công văn số 1075/UBND-TCD ngày 27/8/2015 của Ủy ban nhân dân huyện VL (Bút lục 237) và tại sơ đồ thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 771041 do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 12/10/2011 cho ông Đặng Văn O (Bút lục 248) đều xác định hiện trạng đất tranh chấp là con mương công cộng.

[2.4.1] Quyết định giám đốc thẩm số 144 ngày 19/5/1999 của Tòa Dân sự - Tòa án nhân dân tối cao (Bút lục 08-09) xác định: *Phần đất ông O ở hai bên có hai con mương rộng, mương phía Tây khoảng 4m nay chỉ còn 02m (mương này là mương công cộng)... mương phía Đông trước đây khoảng 06m nay chỉ còn khoảng 01m, quá trình ở đây ông O đã lấn theo mương phía Đông*.

Mặc dù, Quyết định giám đốc thẩm số 144 ngày 19/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất con mương giữa bà Trần Thị Tr với ông Đặng Văn O, nhưng Quyết định giám đốc thẩm có nhận định liên quan đến con mương. Vì phần đất ông O ở hai bên có hai con mương, Ông O đã lấn chiếm theo mương phía Đông trong tranh chấp với bà Tr, còn con mương phía Tây thì Quyết định giám đốc thẩm xác định mương này là mương công cộng. Hiện tại, con mương phía Tây là đất tranh chấp hiện nay giữa ông T, bà C với ông O, bà N. Do đó, người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C và đại diện Viện kiểm sát cho rằng Quyết định giám đốc thẩm nhận định nêu trên không có cơ sở là không đúng.

[2.4.2] Mặt khác, tại mục 3 của Công văn số 3906/UBND-NC ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện VL (Bút lục 303) cũng xác định: *Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Tòa án nhân dân huyện VL thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2020, phần đất ông T tranh chấp với ông O là nằm ở hướng Tây theo Quyết định giám đốc thẩm số 144 ngày 19/5/1999.*

[2.4.3] Công văn số 1075/UBND-TCD ngày 27/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện VL (Bút lục 237) xác định: *Tại Quyết định giám đốc thẩn số 144 ngày 19/5/1999 của Hội đồng xét xử Giám đốc thẩm – Tòa Dân sự - Tòa án nhân dân tối cao về vụ án tranh chấp đất đai có liên quan và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 771041 cấp ngày 12/10/2011 cho ông Đặng Văn O đều có thể hiện phần diện tích đất nêu trên là đường mương công cộng. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện thống nhất giữ nguyên hiện trạng phần diện tích đất nêu trên là đường*

mương công cộng, do Ủy ban nhân dân xã CT quản lý, không thuộc quyền sử dụng cá nhân, hộ gia đình ông Đặng Văn O và ông Nguyễn Văn Th. Mọi hành vi sử dụng có liên quan đến phần đất này đều phải thông qua và được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho Ủy ban nhân dân xã CT tiến hành cắm mốc ranh giới phần diện tích đất nêu trên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý về sau.

[2.4.4] Như vậy, căn cứ vào Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao thì ông Đặng Văn O được điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 771041 cấp ngày 12/10/2011 cho ông O, trên Giấy chứng nhận có thể hiện phần diện tích đất hiện đang tranh chấp là con mương công cộng. Đồng thời, căn cứ vào Quyết định giám đốc thẩm, Ủy ban nhân dân huyện VL đã giao cho Ủy ban nhân dân xã CT quản lý con mương công cộng, không thuộc quyền sử dụng cá nhân, hộ gia đình ông Đặng Văn O và ông Nguyễn Văn Th.

[2.4.5] Nhận định về những tình tiết, sự kiện và quyết định này trong Quyết định giám đốc thẩm, trong Công văn của Ủy ban nhân dân huyện VL, cũng như trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông O đang có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, trường hợp này thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh, nên có giá trị chứng minh để bác bỏ những nhận định phát sinh sau, đi ngược lại với Quyết định giám đốc thẩm, Công văn số 1075 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông O vào năm 2011 mà không có căn cứ vững chắc. Từ phân tích trên có căn cứ xác định phần đất tranh chấp (Phần 1) có diện tích 104,2m^2, là con mương công cộng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân nào mà hiện nay do Ủy ban nhân dân xã CT, huyện VL quản lý. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông T, bà C đối với phần diện tích đất này như cấp sơ thẩm xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.5] Xét nguồn gốc đất, quá trình đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Phần 2): Ông T, bà C cho rằng, ông O và bà N còn bồi đắp và lấn chiếm 27,7m^2 (Phần 2), hiện tại thì ông bà rút lại yêu cầu 17,7m^2, chỉ yêu cầu ông O, bà N trả diện tích 10m^2. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện VL (Bút lục 98-100) và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 13/8/2020 (Bút lục 153) thể hiện phần đất này thuộc thửa 433, tờ bản đồ số 3 được Uỷ ban nhân dân huyện VL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn O ngày 22/10/2011 (Bút lục 248), và hiện tại ông O, bà N đang quản lý, sử dụng ổn định phần đất này, trên đất có xây dựng hàng rào cột bê tông và trồng nhiều loại cây trái trên đất. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T, bà C đòi ông O, bà N trả diện tích đất 10m^2 như cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N đối với diện tích 27,7m^2 (trong đó có 17,7m^2 nguyên đơn đã

rút yêu cầu khởi kiện và 10m^2 ông T, bà C yêu cầu ông O, bà N giao trả) thuộc thửa 433, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu là không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ, Phần diện tích đất 27,7m^2 thuộc một phần diện tích đất 600,8m^2, thuộc thửa 433, tờ bản đồ số 03 đã được Ủy ban nhân dân huyện VL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Đặng Văn O ngày 12/10/2011 (Bút lục 248) nên không cần công nhận phần đất này cho ông O, bà N, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch; không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông Võ Minh Tr là người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C; không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông T, bà C, sửa một phần bản án 02/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện đòi đất con mương diện tích 104,2m^2 của ông T, bà C.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm 02/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí (Bút lục 428) nên căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T, bà C được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 157, khoản 1, khoản 4 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các khoản 5, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, điểm a khoản 1 Điều 179, Điều 202, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai N 2013; Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 45,8m^2 tại ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N trả lại diện tích 114,2m^2 tại ấp B1, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích đất có vị trí, số đo như sau:

* Phần 1: Diện tích: 104,2m^2. Hiện trạng là con mương thoát nước

- Hướng Đông: Giáp với Phần 2 (phần đất đang tranh chấp, do ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N quản lý, sử dụng) có số đo 5,03m + 1,17m+ 8,95m + 3,76m + 7,95m + 4,09m + 3,36m.

- Hướng Tây: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 6,29m+11,22m+14,90m+2,45m.

- Hướng Nam: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 2,93m.

- Hướng Bắc: Giáp với đất Kênh lộ (cầu xi măng) có số đo 3,73m.

* Phần 2: Diện tích: 27,7m^2 (trong đó có 17,7m^2 nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện). Hiện trạng do ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N quản lý, sử dụng

- Hướng Đông: Giáp với đất của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N có số đo 27,85m.

- Hướng Tây: Giáp với Phần đất 1 (phần đất đang tranh chấp, hiện trạng là con mương) có số đo 8,95m + 3,76m + 7,95m + 4,09m + 3,36m.

- Hướng Nam: Giáp với đất của Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có số đo 0,55m.

- Hướng Bắc: Giáp với đất của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N và Phần đất 1 (phần đất đang tranh chấp, hiện trạng là con mương) có số đo 0m.

Trên phần đất này có các tài sản của ông Đặng Văn O, bà Phạm Thị N gồm: Hàng rào cột bê tông + lưới B40, cao 1,2m, dài 32m; Hàng rào cột bê tông, tường xây cao 2m, dài 1,5m; 01 cây mai, 01 cây cóc lớn, 02 cây dừa lớn, 04 cây dừa nhỏ, 01 cây bơ, 01 cây chanh, 01 cây mãng cầu.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2020 và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 13/8/2020).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch phải chịu số tiền 3.121.860 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi đồng). Ông T, bà C đã nộp và đã chi phí hết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch được miễn nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Ông T và bà C được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005284 ngày 20/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm 02/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện VL;
- CCTHADS huyện VL;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Anh